

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 12-4-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-6-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01-7-2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cà Thị C, sinh năm 1997.

2. *Bị đơn:* Anh Quàng Văn T, sinh năm 1995.

Đều trú tại: Bản T, xã LT, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cà Thị C trình bày:

Chị Cà Thị C và anh Quàng Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 23/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình đã hòa giải khuyên bảo vợ chồng nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay

chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Quàng Văn T.

Về con chung: Chị Cà Thị C và anh Quàng Văn T có 02 con chung là cháu Quàng VH, sinh ngày 01/11/2019 và cháu Quàng Văn V, sinh ngày 17/9/2015. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Quàng VH ở với chị Cà Thị C, còn cháu Quàng Văn V ở với anh Quàng Văn T.

Chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Quàng VH và giao cháu Quàng Văn V cho anh Quàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Quàng Văn T: Tòa án đã tiến hành triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Quàng Văn T để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Quàng Văn T vẫn cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con và ý kiến của con chung tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 04/6/2024 xác định: Anh Quàng Văn T và chị Cà Thị C kết hôn hợp pháp, chung sống với nhau tại bản T, xã LT, huyện TC, tỉnh SL. Anh Quàng Văn T và chị Cà Thị C chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn gia đình, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải khuyên bảo vợ chồng nhưng không thể hàn gắn. Chị C cùng cháu Quàng VH đã về nhà bố mẹ đẻ chị C ở xã BM, huyện TC từ năm 2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được. Anh T, chị C đều có khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến của cháu Quàng Văn V, sinh ngày 17/9/2015 (Biên bản ghi ý kiến ngày 28/5/2024): Cháu Quàng Văn V có nguyện vọng muốn ở với anh Quàng Văn T.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Cà Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị C giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và có yêu cầu miễn án phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan

hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cà Thị C được ly hôn với anh Quàng Văn T.

Về con chung: Giao cháu Quàng VH, sinh ngày 01/11/2019 cho chị Cà Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Quàng Văn V, sinh ngày 17/9/2015 cho anh Quàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Quàng Văn T và chị Cà Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Cà Thị C theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cà Thị C yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Quàng Văn T có địa chỉ nơi thường trú tại bản T, xã LT, huyện TC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Cà Thị C vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Quàng Văn T đã được Tòa án triệu tập tổng đạt hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị C và anh Quàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã LT, huyện TC, tỉnh SL cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị C và anh T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị C, anh T chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không thể hàn gắn. Anh T và chị C đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị C yêu cầu ly hôn với anh Quàng Văn T.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Quàng Văn T để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Quàng Văn T vẫn cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị C và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị C và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Cà Thị C ly hôn với anh Quàng Văn T.

[3] Về con chung: Chị Cà Thị C và anh Quàng Văn T có 02 con chung: Cháu Quàng VH, sinh ngày 01/11/2019 và cháu Quàng Văn V, sinh ngày 17/9/2015. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Quàng VH ở với chị Cà Thị C, còn cháu Quàng Văn V ở với anh Quàng Văn T.

Chị Cà Thị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Quàng VH và giao cháu Quàng Văn V cho anh Quàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Quàng Văn T không có ý kiến.

Ý kiến của cháu Quàng Văn V có nguyện vọng muốn ở với anh Quàng Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ý kiến của chị Cà Thị C phù hợp với nguyện vọng của cháu Quàng Văn V. Chị C và anh T đều có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian chị Cà Thị C và anh Quàng Văn T sống ly thân, chị C và anh T đều đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu về mọi mặt. Do đó cần chấp nhận ý kiến của nguyên đơn, giao cháu Quàng VH cho chị Cà Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Quàng Văn V cho anh Quàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cà Thị C và anh Quàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cà Thị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Quàng Văn T không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Cà Thị C là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Cà Thị C. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cà Thị C được ly hôn với anh Quàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng VH, sinh ngày 01/11/2019 cho chị Cà Thị C và giao cháu Quàng Văn V, sinh ngày 17/9/2015 cho anh Quàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cà Thị C và anh Quàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Cà Thị C. Hoàn trả chị Cà Thị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001779, ngày 12/4/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị C, anh Quảng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (2);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã LT, huyện TC, tỉnh SL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Văn Thịnh